

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 465/2024/DS-PT
Ngày: 22/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương
Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2111/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lữ Việt L**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số D đường H, Phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Lê Văn T** và Luật sư **Châu Văn V** – Văn phòng L1 thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H.** (Có mặt)

Địa chỉ: **Số D đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: **Tổng Công ty D.**

Trụ sở: **Tòa nhà VNPT, số E H, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.**

Chi nhánh: **Trung tâm kinh doanh VNPT - Thành phố H.**

Địa chỉ: **Số A đường P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Thanh T1**, sinh năm 1973.
(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Nguyễn Thành H** – Luật sư **Công ty L2** thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A đường Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông **Lữ Việt L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Lữ Việt L** có ông **Trần Minh H1** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày:*

Ông **Lữ Việt L** nộp đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 và Tòa án đã thụ lý vào ngày 11/01/2022. Sau đó trong quá trình giải quyết vụ án, ông **L** có đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/9/2022 xác định lại yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Theo đơn khởi kiện ban đầu ngày 28/12/2021, ông **L** yêu cầu Tòa án buộc **Tổng Công ty D** phải hoàn trả lại cho ông 154 sim số thuê bao di động đã được đăng ký quản lý và sử dụng theo Hợp đồng số 019225 ngày 10/5/2018 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước được ký kết giữa ông với **Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố H** – Chi nhánh **Tổng công ty D**, ước tính giá trị của 154 sim Vinaphone vào khoảng 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chờ Tòa án giải quyết vụ án thì ông **L** đã hòa mạng lại được 13 sim trong tổng số 154 sim vào ngày 30/12/2021.

Nay, ông **L** đề nghị Tòa án giải quyết buộc **Tổng công ty D** phải hoàn trả cho ông 141 sim đã được quản lý và sử dụng theo Hợp đồng số 019225 ngày 10/5/2018, lý do: 141 sim số bị thu hồi không rõ nguyên nhân. **Tổng công ty D** không cung cấp được cho ông Biên bản vi phạm hợp đồng, Biên bản ra quyết định thu hồi 154 sim số, Biên bản vi phạm hành chính pháp luật.

*Bị đơn **Tổng công ty D** - **Trung tâm kinh doanh VNPT** - **Thành phố H** có bà **Phạm Thị Thanh T1** là người đại diện theo ủy quyền và ông **Nguyễn Thành H** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng trình bày:*

Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố H – Chi nhánh **Tổng công ty D** thực hiện đúng quy định pháp luật về việc xử lý và thu hồi quyền sử dụng 141 sim số di động của ông **L**, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông **Lữ Việt L** xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu: Buộc **Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố H** – Chi nhánh **Tổng công ty D** trả lại ông quyền sử dụng 141 sim đã được đăng ký sử dụng theo Hợp đồng số 019225 ngày 10/5/2018, ông không ước tính 141 sim này trị giá bao nhiêu tiền để yêu cầu bị đơn bồi thường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 513; Điều 515; Điều 517; Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật viễn thông năm 2009;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017;

Căn cứ Nghị định 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 2 của Nghị định 17/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 17/02/2017 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của **Bộ T3**;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc **Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố H** – Chi nhánh **Tổng Công ty D** trả lại quyền sử dụng 141 sim số thuê bao di động đã được đăng ký quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó, nguyên đơn ông **Lữ Việt L** kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Nguyên đơn ông **Lữ Việt L** cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư **Lê Văn T**, Luật sư **Châu Văn V** trình bày:*

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình quản lý, sử dụng, ông **L** đều tuân thủ các quy định về viễn thông và thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết; cụ thể là ông chưa bị **Bộ T3** xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, phía bị đơn phải hoàn trả quyền sử dụng 141 sim điện thoại cho ông.

*Bị đơn **Tổng Công ty D** – Chi nhánh **Trung tâm kinh doanh VNPT - Thành phố H** có người đại diện theo ủy quyền là bà **Phạm Thị Thanh T1** cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Luật sư **Nguyễn Thành H** trình bày:*

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Lữ Việt L** đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng là bà **Trần Thị Thùy T2** (bà **T2** là vợ ông **L**) vì ông **L** có tiến hành chuyển nhượng cho bà **T2** quyền sử dụng của 02 sim điện thoại; triệu tập bà **Nguyễn Thị Thu H2** với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì bà **H2** là người đã kích hoạt sẵn các sim điện thoại cho ông **L**; đồng thời yêu cầu thu thập chứng cứ là 30 phiếu chuyển quyền sử dụng sim điện thoại giữa ông **L** và khách hàng để làm rõ việc ông **L** có chuyển quyền sử dụng của một số thuê bao điện thoại theo như lời trình bày của phía bị đơn hay không?

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông **L** khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại cho ông quyền sử dụng 141 sim số thuê bao di động đã được đăng ký theo Hợp đồng số 019225 ngày 10/5/2018 giữa ông **L** và bị đơn; trong số 141 sim này không có các sim mà phía bị đơn có lời trình bày ông **L** đã tiến hành chuyển quyền sử dụng cho người khác, các đương sự cũng không tranh chấp đối với các sim đã được chuyển quyền sử dụng. Do đó, việc phải hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng, thu thập thêm chứng cứ liên quan đến các sim mà các bên không tranh chấp là không cần thiết.

Đối với bà **Nguyễn Thị Thu H2**, theo lời trình bày của ông **L** thì bà **H2** là người đã kích hoạt các sim điện thoại của ông **L**; ông **L** không tự kích hoạt các sim điện thoại. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn, bị đơn thì ông **L** là người được **V** cung cấp cho ông **L** quyền sử dụng các thuê bao. Việc bà **H2** tự ý kích hoạt hay kích hoạt sim theo yêu cầu của ông **L** không có chứng cứ gì để xác định; do đó việc đưa bà **H2** tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại

khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của ông L.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Vào ngày 10/5/2018 ông Lữ Việt L ký với Trung tâm kinh doanh VNPT - Thành phố H – Chi nhánh Tổng Công ty D (sau đây viết tắt là V) Hợp đồng số 019225 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thông tin di động trả trước; theo đó, V đồng ý cung cấp cho ông L 226 số thuê bao (có Phụ lục danh sách đăng ký thông tin trả trước đính kèm theo Hợp đồng). Tại Hợp đồng cũng quy định về quyền, nghĩa vụ của các bên; về các trường hợp tạm ngừng cung cấp dịch vụ, chấm dứt hiệu lực hợp đồng... Căn cứ để hai bên ký kết hợp đồng là Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Viễn thông; Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cùng các Nghị định của Chính phủ số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011; số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011; số 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; số 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017.

Ngày 26/3/2019 Bộ T3 ban hành Văn bản số 866/BTTTT-Ttra về việc chấn chỉnh hoạt động quản lý thông tin thuê bao, gửi đến các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty V3, trong đó có Tập đoàn B (V). Nội dung văn bản thể hiện: *“Tại điểm c khoản 11 Điều 15 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2017/NĐ-CP đã quy định cấm mua bán, lưu thông trên thị trường SIM thuê bao đã được nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước. Tuy nhiên, việc mua bán tràn lan sim điện thoại nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trả trước là nguyên nhân gây mất trật tự, ổn định, an toàn xã hội không có dấu hiệu chuyển biến... Nhằm chấn chỉnh tình trạng trên, Bộ T3 yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông... khẩn trương chỉ đạo và thực hiện các nội dung sau: ...2. Rà soát, kiểm tra các tổ chức, cá nhân giao kết Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung sử dụng thuê bao di động với số lượng lớn, bất thường hoặc nhiều lần để chấm dứt cung cấp dịch vụ theo quy định nếu không làm rõ được các thuê bao này được đúng các tổ chức, cá nhân đó sử dụng”*. Bộ T3 yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông nghiêm túc thực hiện và sẽ phải chịu trách nhiệm nếu không thực hiện hay thực hiện không đúng.

Ngày 12/6/2019, Cục V4 đã ban hành Văn bản số 2203/CVT-HIKN về việc tăng cường quản lý Thuê bao di động và thu hồi SIM kích hoạt sẵn gửi đến các doanh nghiệp viễn thông di động mặt đất. Nội dung văn bản thể hiện: *“Ngày 26/3/2019 Bộ T3 đã có Công văn số 866/BTTTT-Ttra về việc chấn chỉnh hoạt động quản lý thông tin thuê bao... Cục Viễn thông yêu cầu doanh nghiệp V5: ...2. Triển khai các biện pháp kinh tế, kỹ thuật nghiệp vụ nhằm thực hiện thu hồi, xử lý triệt để tình trạng SIM thuê bao đã được nhập sẵn thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn dịch vụ di động trên thị trường, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1 Nghị định 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ...”*.

Thông nhất chỉ đạo từ Bộ T3, Cục V4, ba nhà mạng lớn của Việt Nam gồm V1, M, V2 đã thỏa thuận về việc quản lý thông tin thuê bao, ngăn chặn và

xử lý sim rác dưới sự chứng kiến của Cục trưởng Cục Viễn thông. Trên cơ sở đó, **V** đã ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai xử lý sim nghi ngờ kích hoạt sẵn trên toàn hệ thống. Cụ thể tại Văn bản số 3529/VNPT VNP-KHCN-NCTT-KTNV-PCTT ngày 30/7/2019, **V** đã thống nhất các tiêu chí đánh giá thuê bao nghi ngờ kích hoạt sẵn, cụ thể như sau:

“Các thuê bao được nghi ngờ kích hoạt sẵn là các thuê bao có phát sinh tiền và lưu lượng dưới 03 ngày trong tháng N và vi phạm thêm 01 trong các tiêu chí sau:

- *Tiêu chí 1: Phát sinh cước tiêu dùng ở tất cả các loại tài khoản dưới 3000 đồng.*
- *Tiêu chí 2: Phát sinh lưu lượng thoại dưới 05 phút hoặc dưới 05 cuộc gọi (cả chiều đi và đến) (không áp dụng thuê bao Ezcom, M2M).*
- *Tiêu chí 3: Phát sinh tổng lưu lượng upload và download data dưới 10MB.*
- *Tiêu chí 4: Phát sinh lưu lượng SMS gửi đi dưới 05 tin SMS (không áp dụng thuê bao Ezcom, M2M).”*

Tại văn bản trên, **V** cũng quy định lộ trình thực hiện với các thuê bao nghi ngờ kích hoạt sẵn, quy định triển khai xử lý SIM nghi ngờ kích hoạt sẵn...

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 21/8/2023, **Cục V4** có Văn bản số 3742/CVT-PTHT gửi Tòa án trong đó có nội dung khẳng định: *“Trách nhiệm của **doanh nghiệp V5** được quy định tại Điều 1 Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi Điều 15 Nghị định 25/2011/NĐ-CP là: ...đ) Xây dựng, tổ chức, thực hiện quy trình nội bộ để thường xuyên rà soát, kiểm tra, bảo đảm thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tập trung của mình tuân thủ đúng quy định;... Các doanh nghiệp viễn thông di động đã chủ động trao đổi, cùng triển khai các biện pháp ngăn chặn, xử lý tình trạng SIM có thông tin thuê bao không đúng quy định... Đồng thời các doanh nghiệp đã cùng trao đổi, thống nhất và ký kết Kế hoạch quản lý thông tin thuê bao di động, ngăn chặn sim rác, sim kích hoạt sẵn vào tháng 6/2019... và đem lại nhiều kết quả tích cực..”*

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc **Tổng Công ty D** ban hành Văn bản số 3529/VNPT VNP-KHCN-NCTT-KTNV-PCTT ngày 30/7/2019 đề ra các tiêu chí đánh giá thuê bao nghi ngờ kích hoạt sẵn, quy trình thực hiện... là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thống nhất với chỉ đạo từ **Bộ T3**, **Cục V4**, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm mục đích an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Việc xây dựng tiêu chí không đặt ra các quy định để cản trở quá trình sử dụng của khách hàng, mà thay vào đó phối hợp với khách hàng để đảm bảo, xác minh quá trình cung cấp dịch vụ đến đúng đối tượng. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, **V** có thể yêu cầu người sử dụng dịch vụ viễn thông có trách nhiệm xác nhận, cập nhật lại thông tin thuê bao theo hướng dẫn của nhà mạng.

Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của phía nguyên đơn cho rằng việc đề ra các tiêu chí đánh giá thuê bao nghi ngờ kích hoạt sẵn, việc tự đề

ra quy trình nhắn tin thông báo, buộc khách hàng phải cập nhật lại thông tin... của **V** là không đúng quy định.

Các văn bản của **Bộ T3**, **Cục V4** đều được phía bị đơn cung cấp; bị đơn xác định sao y đúng bản chính. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 10/02/2023, Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 148/CV-TAQ3 gửi **Cục V4** trong đó có đề nghị **Cục V4** cung cấp thông tin đối với các văn bản của **Bộ T3**, **Cục V4** cũng như làm rõ việc **Cục V4** và các nhà mạng có ký thỏa thuận đưa ra các tiêu chí để xác định sim rác như trong thỏa thuận Kế hoạch về việc quản lý thông tin thuê bao di động, ngăn chặn và xử lý sim rác vào tháng tháng 6/2019 hay không? Tại văn bản trả lời cho Tòa án, **Cục V4** không hề có nội dung phủ định các văn bản do **Bộ T3**, **Cục V4**; đồng thời cũng xác định các nhà mạng đã có trao đổi, thống nhất và ký kết Kế hoạch quản lý thông tin thuê bao di động, ngăn chặn sim rác, sim kích hoạt sẵn vào tháng 6/2019. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của phía ông **L** đề nghị phải tạm dừng phiên tòa phúc thẩm để xác định các văn bản của **Bộ T3**, **Cục V4** có đúng nội dung và do đúng các cơ quan này ban hành hay không.

[2] Trong quá trình thực hiện rà soát để quản lý thông tin thuê bao, **V** phát hiện các thuê bao của ông **L** có những dấu hiệu của các tiêu chí nghi ngờ kích hoạt sẵn như cá nhân đăng ký sử dụng số lượng nhiều sim số, có phát sinh tiền và lưu lượng dưới 03 ngày trong tháng và vi phạm thêm 01 trong các tiêu chí như phát sinh cước tiêu dùng ở tất cả các loại tài khoản dưới 3000 đồng, phát sinh lưu lượng thoại dưới 05 phút hoặc dưới 05 cuộc gọi (cả chiều đi và đến), phát sinh lưu lượng SMS gửi đi dưới 05 tin SMS...

Theo tài liệu do bị đơn cung cấp thì từ ngày 01 đến ngày 05 tháng 8 năm 2019, **V** đã tiến hành nhắn tin thông báo liên tiếp 05 lần trong 05 ngày đến các thuê bao của ông **L** với nội dung VinaPhone xác định số thuê bao của ông **L** thuộc diện nghi ngờ kích hoạt sẵn và có thông tin thuê bao không chính xác; mời ông **L** mang giấy tờ tùy thân đến điểm giao dịch của VinaPhone để xác nhận và đăng ký lại thông tin; VinaPhone cũng thông báo hệ thống sẽ khóa 01 chiều kể từ ngày 15/8/2019.

Danh sách thuê bao nhận tin nhắn là một tập tin hơn 6,7 triệu thuê bao và một tập tin hơn 5,6 triệu thuê bao, trong đó có các thuê bao của khách hàng **Lữ Việt L**. Do đó, việc VNPT cung cấp chung Phụ lục nêu chi tiết nhắn tin chương trình đăng ký thông tin thuê bao của ông **L** là có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên ông **L** không tiến hành thực hiện theo các thông báo cũng như không có bất cứ động thái phản hồi gì với **V**.

Phía bị đơn trình bày do không thấy ông **L** thực hiện theo thông báo nên **V** đặt ra nghi vấn ông **L** có phải là người đang thực tế sử dụng thuê bao hay không... Do đó VNPT đã tiến hành tạm dừng liên lạc một chiều theo đúng như các thông báo gửi đến ông **L**.

Sau khi tạm dừng liên lạc một chiều, ông **L** vẫn không tiến hành cập nhật lại tình trạng sử dụng thông tin thuê bao. Sau 15 ngày kể từ ngày tạm dừng cung

cấp dịch vụ viễn thông một chiều, VNPT đã tiến hành tạm khóa hai chiều vào ngày 30/8/2019. Tuy nhiên, ông L vẫn không có phản hồi, không tiến hành xác nhận, đăng ký lại thông tin thuê bao. Sau đó các sim bị đóng KIT. Theo quy định thì trong vòng 06 tháng khách hàng có thể đăng ký thông tin thuê bao như KIT mới, sau thời hạn 06 tháng V sẽ thu hồi số về kho để tái tạo kinh doanh; Nếu thuê bao bị ngừng cung cấp dịch vụ hai chiều nhưng thực hiện cập nhật, chuẩn hóa thông tin thuê bao thì hệ thống vẫn sẽ mở lại cho thuê bao. Tuy nhiên trong suốt khoảng thời gian sau đó, ông L cũng không có phản hồi, không liên lạc với nhà mạng. Chính vì vậy, sau thời gian theo quy định, V đã tiến hành thu hồi các sim điện thoại của ông L.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc V tiến hành thu hồi 141 sim số di động của ông L là có cơ sở pháp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm mục đích an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Trong suốt quá trình xử lý, V đã thực hiện đúng quy trình, có thông báo, hướng dẫn và dành thời gian để ông L thực hiện việc cập nhật thông tin thuê bao.

Ông L luôn khẳng định ông là người trực tiếp và vẫn đang sử dụng 141 sim số thuê bao điện thoại nhưng ông L lại không hề hay biết việc V nhắn tin yêu cầu ông L mang giấy tờ tùy thân để xác nhận, đăng ký lại thông tin trong liên tiếp 05 ngày; không có bất cứ phản hồi, động thái nào khi bị ngừng cung cấp dịch vụ một chiều, hai chiều và khi sim bị khóa.

Phía ông L còn cho rằng V phải thực hiện việc thông báo cho ông bằng văn bản, việc thông báo bằng tin nhắn của V là không đúng quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại Điều 10, 11 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định về hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu thì: “*Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tin, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác*”; “*Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu*”. Như vậy, việc thông báo bằng hình thức tin nhắn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đúng với bản chất của Hợp đồng cung cấp dịch vụ thông tin di động giữa V và ông L.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Lữ Việt L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 513; Điều 515; Điều 517; Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông năm 2009; Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ Nghị định 49/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 2 của Nghị định 17/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 17/02/2017 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của **Bộ T3**;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Lữ Việt L**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc **Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố H** – Chi nhánh **Tổng Công ty D** trả lại quyền sử dụng 141 sim số thuê bao di động đã được đăng ký quản lý và sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Nguyên đơn ông **Lữ Việt L** phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông **L** đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0006844 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Hoàn trả lại cho ông **L** số tiền là 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn ông **Lữ Việt L** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông **L** đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2023/0002364 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Thị Kim Dung